

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm sau khi IHS Markit công bố PMI của Việt Nam đạt 54.3 điểm trong tháng 2, tiếp tục tăng so với 53.7 của tháng 1, tăng tháng thứ tư liên tiếp

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm theo diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

KDH, HAH

[Vĩ mô/Chiến lược]

Sản xuất công nghiệp tháng 2/2022

[Quan điểm đầu tư]

Sau khi chốt lời 1 phần trong những phiên trước, NĐT được khuyến nghị có thể mở lại từng phần vị thế trading ngắn hạn quanh vùng hỗ trợ của các mã mục tiêu.

01/03/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,498.78	+0.58
VN30	1,520.12	+0.19
HĐTL VN30F1M	1,515.60	+0.29
HNXIndex	443.56	+0.71
HNX30	806.16	+0.90
UPCoM	112.38	+0.16
USD/VND	22,814	-0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.26	+2
Lãi suất qua đêm (%)	2.46	+13
Dầu (WTI, \$)	98.19	+2.58
Vàng (LME, \$)	1,915.32	+0.33



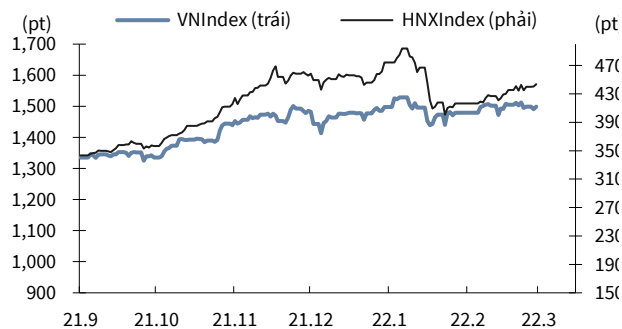
Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,498.78 (+0.58%)
KLGD (triệu CP)	842.4 (+27.6%)
GTGD (triệu U\$)	1,153.3 (+11.6%)
HNXIndex	443.56 (+0.71%)
KLGD (triệu CP)	121.2 (+20.2%)
GTGD (triệu U\$)	153.7 (+26.4%)
UPCoM	112.38 (+0.16%)
KLGD (triệu CP)	70.4 (+0.0%)
GTGD (triệu U\$)	63.7 (-2.3%)

TTCK Việt Nam tăng điểm sau khi IHS Markit công bố PMI của Việt Nam đạt 54.3 điểm trong tháng 2, tiếp tục tăng so với 53.7 của tháng 1, tăng tháng thứ tư liên tiếp. Cổ phiếu nhóm thép tăng giá NKG (+2.5%), HSG (+1.7%) nhờ giá thép tăng vì chiến sự tại Ukraine. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, kim ngạch xuất khẩu dệt may 2 tháng đầu năm 2022 ước đạt 5.9 triệu USD, tăng 30.9% so với cùng kỳ năm trước tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm dệt may ở TCM (+4%), STK (+0.5%). Theo Reuters, Mỹ và các đồng minh đang cân nhắc phối hợp giải phóng lượng dầu dự trữ trong bối cảnh giá tăng và nguồn cung thắt chặt sau khi xung đột giữa Nga và Ukraine leo thang khiến cổ phiếu nhóm dầu khí giảm giá PLX (-1.6%), GAS (-0.3%). Khối ngoại mua ròng ở FUEVFVND (-2.4%), NLG (+4.2%), VND (-0.4%).

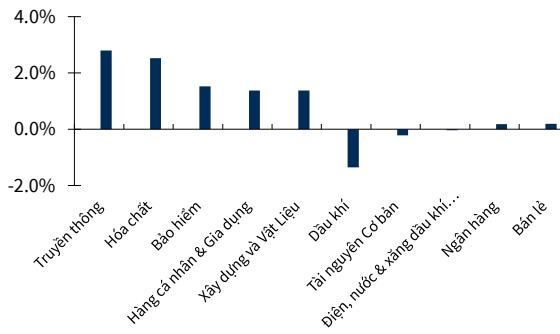
NĐTNN mua ròng (triệu U\$) +5.5

VNIndex & HNXIndex



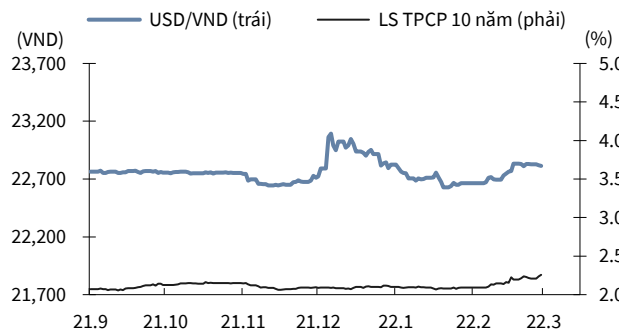
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



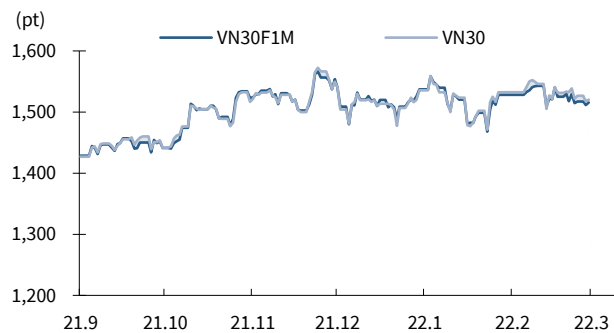
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,520.12 (+0.19%)
VN30F1M	1,515.6 (+0.29%)
Mở cửa	1,517.8
Cao nhất	1,518.2
Thấp nhất	1,512.1
KLGD (HĐ)	104,712 (-18.8%)

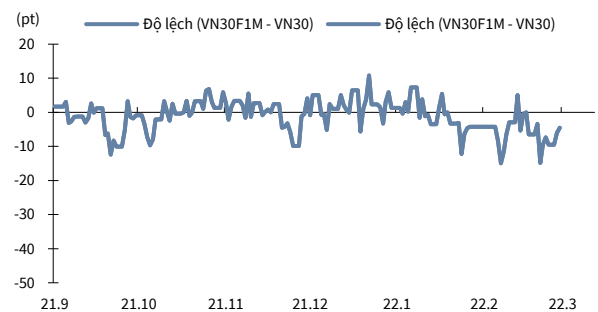
Các HĐTL tăng điểm theo diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2203 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức cao nhất ngày 0.81 điểm, sau đó đảo chiều và duy trì ở mức âm với biên độ được nới rộng tới -8.64 điểm cho thấy tâm lý hoài nghi đà tăng của thị trường cơ sở sau khi phương Tây công bố hàng loạt lệnh trừng phạt lên Nga. Khối ngoại mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường giảm mạnh.

HĐTL VN30F1M & VN30



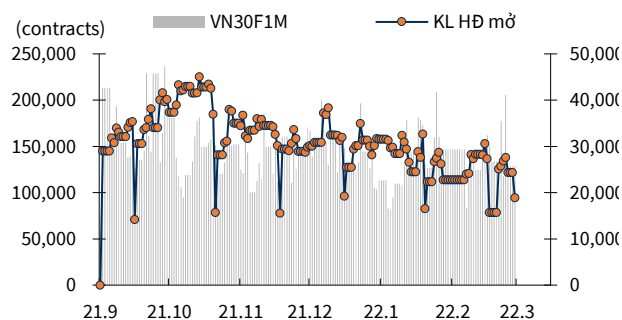
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



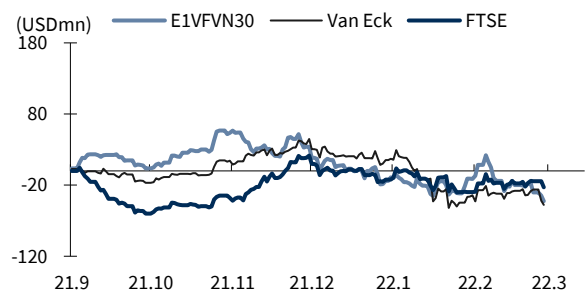
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

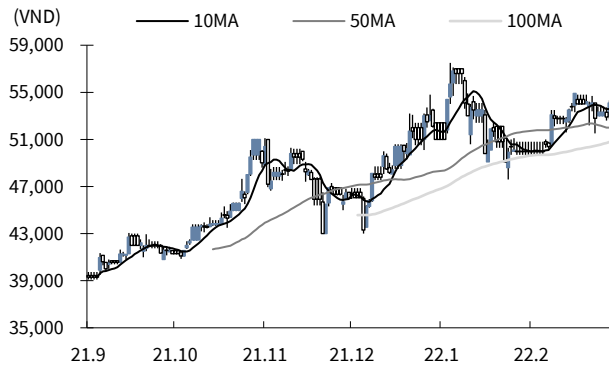
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

CTCP Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền (KDH)

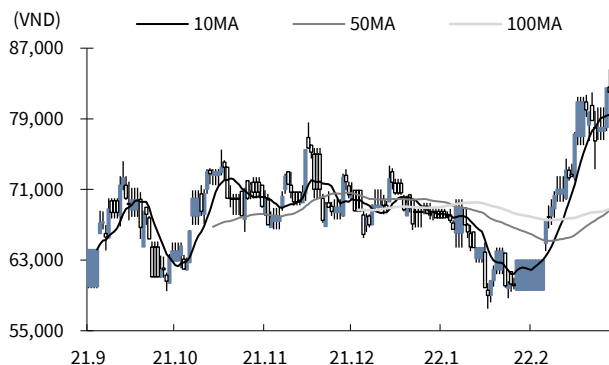


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KDH tăng 2.3% lên 54,100 VND/cp

- Nhà Khang Điền thông qua kế việc góp thêm gần 350 tỷ đồng vào công ty con Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Gia Phước để nâng vốn điều lệ lên 599.4 tỷ đồng. Gia Phước là chủ đầu tư dự án Rosita Garden gồm 118 căn nhà liền kề vườn tọa lạc tại quận 9, TP HCM với diện tích 3.1 ha.

CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An (HAH)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HAH giảm 0.6% xuống 82,000 VND/cp

- Công ty Vận tải và Xếp dỡ Hải An đặt kế hoạch kinh doanh năm 2022 với lợi nhuận 550 tỷ đồng, tăng 23.6% so với thực hiện 2021 và doanh thu 2,388 tỷ đồng, tăng 20% YoY. Doanh nghiệp đặt mục tiêu tổng sản lượng 2022 đạt 948,000 TEU (-6.3% YoY), trong đó, khai thác cảng 411,000 TEU, khai thác tàu 395,000 TEU, cùng giảm lần lượt 1.4% và 16.7%, sản lượng depot tăng 16.8% lên 142,000 TEU.

Sản xuất công nghiệp tháng 2

Lĩnh vực sản xuất phục hồi mạnh mẽ

Chỉ số PMI của Việt Nam tăng lên 54.3 điểm trong tháng 2

- Theo IHS Markit, chỉ số PMI trong tháng 2 của Việt Nam tăng lên 54.3 điểm, so với 53.7 của tháng 1, cho thấy tăng trưởng đã tăng tháng thứ tư liên tiếp, lĩnh vực sản xuất hồi phục mạnh mẽ nhờ nhu cầu khách hàng nội địa và quốc tế tăng mạnh với số lượng đơn hàng mới luôn ở mức cao.
- Nếu so với các nước trong khu vực, chỉ số PMI của Việt Nam có mức tăng mạnh so với tháng trước, chỉ sau Đài Loan, cho thấy các điều kiện kinh doanh, sản xuất đã cải thiện tốt sau khi bị gián đoạn do làn sóng Delta của đại dịch COVID-19 trong năm 2021.
- Khảo sát của IHS cho thấy các công ty sản xuất ở Việt Nam vẫn tương đối lạc quan về triển vọng kinh doanh trong năm 2022 dựa trên những kỳ vọng trong cải thiện nhu cầu. Tuy nhiên, việc hạn chế nguồn cung đang kìm hãm đà tăng của sản lượng do: (1) Các công ty vẫn gặp khó khăn trong việc thuyết phục số lượng công nhân đủ lớn quay trở lại nhà máy để giải quyết việc tồn đọng; và (2) Tình trạng nguyên vật liệu khan hiếm.
- Chúng tôi đánh giá cao khả năng PMI tháng 3 sẽ tiếp tục duy trì trên 53 điểm, nhờ việc sản lượng và số lượng các đơn đặt hàng mới đều tăng cao, và doanh nghiệp luôn nỗ lực tăng công suất bằng cách tuyển thêm lao động.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tăng mạnh

- Số liệu từ Tổng cục thống kê cũng cho thấy sản lượng sản xuất công nghiệp trong tháng 2 đã có sự hồi phục đáng kể ở một số ngành công nghiệp chủ lực. Cụ thể, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) toàn ngành tăng 8.5% so với cùng kỳ năm trước, nhờ việc Chính phủ chuyển trọng tâm sang khôi phục phát triển kinh tế.
- Chỉ số sản của hầu hết các ngành trọng điểm cấp II tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất thiết bị điện tăng 27.9%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 21.2%; sản xuất trang phục tăng 20.1%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 15%; sản xuất xe có động cơ tăng 10.8%; xuất phương tiện vận tải khác (mô tô, xe máy) tăng 10,2%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất tăng 9.7%.
- Chúng tôi cho rằng chỉ số IIP sẽ tiếp tục tăng trong tháng 3, khi đối tác thương mại chính như Hàn Quốc, Mỹ và EU đều đang hồi phục tốt sau đại dịch.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



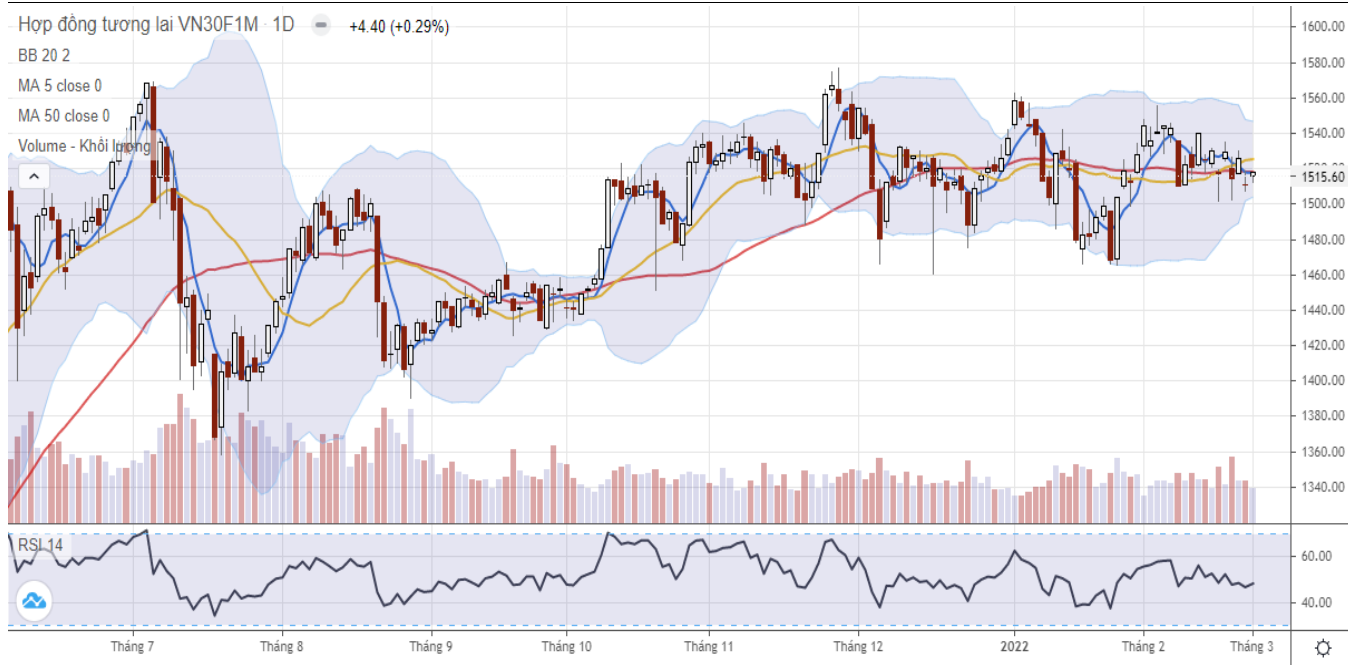
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp hồi phục vào đầu phiên, VNIndex có phần suy yếu trước khi mở rộng đà tăng tích cực về cuối phiên.
- Với việc cho phản ứng hồi phục sớm và vẫn giữ được các điểm đỡ then chốt, chỉ số đang có nhiều cơ hội hướng lên vùng kháng cự gần tại 1520 (+5). Mặc dù rủi ro quay xuống cận dưới và kiểm định lại vùng hỗ trợ mạnh 1460 vẫn để ngỏ, chúng tôi tiếp tục nghiêng về khả năng bứt phá thành công của VNIndex sau khi hoàn tất nhịp điều chỉnh tích lũy này.
- Sau khi chốt lời 1 phần trong những phiên trước, NĐT được khuyến nghị có thể mở lại từng phần vị thế trading ngắn hạn quanh vùng hỗ trợ của các mã mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1532 – 1536

Kháng cự gần: 1520 – 1524

Hỗ trợ gần: 1508 – 1512

Hỗ trợ xa: 1486 – 1490

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, F1 có phần suy yếu trước khi diễn biến giằng co về cuối phiên.
- Với việc cho phản ứng hồi phục sớm và vẫn giữ được các điểm đỡ then chốt, chỉ số đang có nhiều cơ hội hướng lên vùng kháng cự gần tại 1540 (+5). Mặc dù rủi ro quay xuống cận dưới và kiểm định lại vùng hỗ trợ mạnh 1480 vẫn để ngỏ, chúng tôi tiếp tục nghiêng về khả năng bứt phá thành công của F1 sau khi hoàn tất nhịp điều chỉnh tích lũy này.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở Long tại các vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chờ mở thêm vị thế Long nếu về lại vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

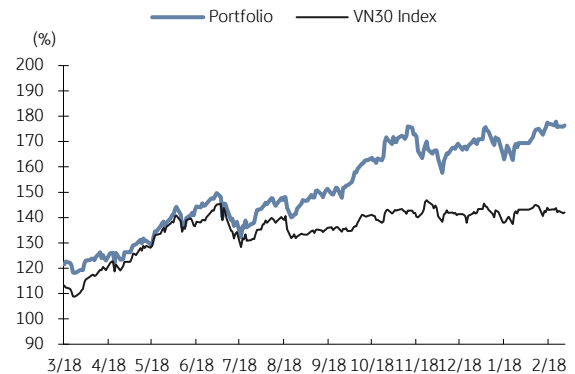
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.19%	0.31%
Tăng lũy kế (YTD)	41.97%	76.38%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 01/03/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	136,000	0.0%	78.1%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	56,500	4.2%	142.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	105,000	1.9%	40.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	203,500	-1.7%	8.3%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	74,700	-1.2%	117.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	93,400	0.1%	217.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	33,300	0.5%	79.1%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	117,700	-0.3%	59.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,900	-0.6%	217.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	57,500	0.2%	321.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	-2.4%	98.1%	372.6
NLG	4.2%	32.4%	63.0
VND	-0.4%	19.8%	54.9
MBB	-1.2%	23.2%	39.7
TPB	1.3%	29.8%	39.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.6%	23.2%	-316.0
VIC	2.9%	13.0%	-100.9
KBC	0.2%	18.6%	-34.8
HDB	-0.9%	17.0%	-48.9
CTG	0.5%	26.0%	-34.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
CEO	9.3%	0.1%	3.9
SCI	3.6%	3.2%	2.3
VMC	-1.4%	0.2%	0.4
VCS	-0.4%	3.8%	0.3
PRE	0.5%	0.2%	0.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	-2.6%	6.1%	-17.6
PVS	0.3%	9.2%	-10.0
PVI	3.2%	57.9%	-4.7
VBC	-2.8%	2.4%	-0.7
THD	0.5%	1.6%	-0.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	9.4%	YEG, ADG
Hóa chất	6.5%	GVR, DPM
Bảo hiểm	5.5%	BVH, BMI
Dịch vụ tài chính	2.8%	VND, SSI
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.3%	GEX, LGC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-1.8%	HVN, VJC
Bất động sản	-1.6%	VIC, VHM
Ô tô và phụ tùng	-1.6%	SVC, TCH
Ngân hàng	-1.5%	BID, VCB
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.9%	PNJ, GMC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	17.8%	YEG, PNC
Hóa chất	17.4%	GVR, DPM
Tài nguyên Cơ bản	12.8%	HPG, HSG
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.4%	GEX, GMD
Du lịch và Giải trí	10.5%	VJC, HVN

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-4.4%	BID, VCB
Bất động sản	-3.8%	VIC, VHM
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.7%	GDT, TVT
Công nghệ thông tin	4.7%	ST8, ICT
Thực phẩm và đồ uống	5.5%	VNM, MSN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	413,511 (18.2)	22.5	275.0	53.5	14.7	1.2	5.8	3.1	3.0	2.9	-3.4	18.4	-16.7
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	299,644 (13.2)	26.6	9.6	8.1	35.9	25.1	23.2	2.2	1.7	0.6	-1.6	-2.9	-4.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	242,587 (10.7)	17.8	26.2	18.4	-7.6	9.1	10.8	2.3	2.2	0.0	-2.9	-4.1	11.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	217,053 (9.5)	31.3	25.8	17.6	6.7	14.1	15.2	4.3	3.1	0.1	-3.5	-5.6	-17.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	64,463 (2.8)	11.6	22.9	15.7	18.0	15.5	-	3.2	2.8	2.3	0.4	8.2	6.1
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	400,581 (17.6)	13.9	18.5	24.7	-	15.1	11.0	2.6	2.5	2.1	11.3	27.6	23.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	139,522 (6.1)	6.3	16.4	13.1	11.7	20.7	21.0	2.9	2.5	0.6	-2.1	-4.5	7.9
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	142,296 (6.3)	12.7	14.6	11.0	-5.3	15.7	19.1	2.4	2.1	0.9	-4.1	-8.0	18.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	528,001 (23.2)	0.0	8.3	6.8	14.3	20.9	20.3	1.6	1.3	-0.2	-2.1	-4.7	0.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	367,520 (16.1)	1.4	9.0	7.0	61.1	18.3	20.3	1.4	1.2	0.5	-3.8	-9.8	-1.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	644,333 (28.3)	0.0	11.4	9.1	18.8	15.9	16.6	1.7	1.4	-0.7	6.2	3.0	5.4
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	637,529 (28.0)	0.0	9.3	7.9	14.6	22.2	21.3	1.6	1.3	-1.2	-1.2	0.9	17.6
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	189,436 (8.3)	4.2	7.9	6.9	23.3	21.8	19.8	-	-	-0.9	-3.4	-7.6	-7.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	773,682 (34.0)	14.0	11.6	7.8	26.5	14.2	18.7	1.6	1.4	-0.6	-3.1	-8.2	3.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	292,301 (12.8)	0.0	9.5	8.1	37.5	22.5	22.7	2.1	1.7	1.3	3.1	2.0	4.3
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	30,762 (1.4)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.0	-3.3	-9.6	0.4	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	56,879 (2.5)	21.0	22.4	-	15.8	9.2	-	-	-	1.2	6.2	9.9	6.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	12,644 (0.6)	14.2	24.7	19.6	9.1	10.8	13.1	2.3	2.1	4.2	7.3	14.5	-6.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	380,106 (16.7)	55.4	22.0	20.7	-3.2	13.7	14.8	-	-	0.7	2.2	2.1	-11.2
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	161,272 (7.1)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	1.8	4.1	13.4	-12.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	129,559 (5.7)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	0.7	0.0	2.0	-16.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	359,538 (15.8)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	-0.4	6.8	13.8	-4.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	162,639 (7.1)	42.1	16.4	15.1	4.0	31.3	32.8	4.7	4.5	1.0	-1.0	-4.7	-8.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	27,407 (1.2)	36.9	24.8	21.0	7.3	19.6	20.9	4.6	4.1	-1.1	-0.2	13.0	11.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	129,221 (5.7)	16.5	32.9	6.7	-51.9	18.5	23.5	5.7	4.6	0.3	-0.6	9.4	-8.5
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	97,506 (4.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	1.0	-5.3	0.1	-26.5	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	134,393 (5.9)	11.0	-	61.4	-88.5	1.0	10.1	-	-	0.6	-1.3	15.6	9.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	119,153 (5.2)	10.8	20.3	18.6	-57.0	12.1	13.4	2.4	2.2	0.6	-4.2	16.3	5.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	348,435 (15.3)	38.4	14.4	8.3	65.7	9.2	14.6	1.5	1.4	3.7	-0.9	19.3	-28.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	121,366 (5.3)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	2.0	-2.8	17.9	-38.5
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	577,941 (25.4)	37.7	-	-	-13.2	-	-	-	-	0.0	4.7	16.1	1.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	45,677 (2.0)	3.6	26.2	22.9	-52.4	3.2	3.7	0.8	0.9	-1.0	-0.3	-3.2	-12.5
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	42,027 (1.8)	0.0	11.3	9.5	-4.5	14.4	14.8	1.6	1.4	-1.2	4.3	8.3	8.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	123,795 (5.4)	46.1	19.0	17.1	-17.5	21.9	23.7	4.1	3.7	-0.3	1.0	8.0	22.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	12,876 (0.6)	31.4	12.6	10.7	-10.5	14.9	16.6	1.6	-	0.9	-3.1	3.8	-11.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	5,044 (0.2)	34.1	13.9	8.7	-5.1	10.3	16.7	1.4	1.4	0.0	-0.7	-1.3	-7.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	920,275 (40.4)	18.0	6.9	6.8	21.9	29.4	24.2	1.7	1.4	-0.6	1.1	11.1	1.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	335,892 (14.7)	36.5	11.1	17.3	-0.5	20.2	11.9	2.0	1.9	-1.4	19.8	41.3	13.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	189,908 (8.3)	46.5	11.9	14.4	-4.5	21.9	16.3	2.5	2.3	-0.3	22.6	36.7	0.5
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	347,861 (15.3)	38.9	6.8	6.7	67.9	25.0	20.9	1.4	1.2	1.7	8.9	28.5	4.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	81,376 (3.6)	97.2	17.5	17.6	17.2	7.0	-	1.2	1.2	2.0	-0.3	9.1	-10.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	191,380 (8.4)	4.6	20.0	18.1	-51.0	14.9	16.7	2.9	2.9	-1.6	-1.1	9.3	13.7
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	283,536 (12.4)	39.9	31.2	13.3	-11.9	3.4	7.3	1.0	0.9	0.0	8.9	14.4	17.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	85,274 (3.7)	35.9	7.7	6.4	1.2	19.0	19.0	1.3	1.1	0.4	7.5	17.9	3.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	167,960 (7.4)	0.0	15.1	13.6	13.7	29.1	29.4	4.1	3.8	0.0	-1.2	2.6	0.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	121,753 (5.3)	0.0	17.7	14.3	2.4	21.5	21.7	3.4	2.8	1.9	-4.5	1.0	9.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	12,367 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	7.0	21.3	53.6	14.1
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	157,071 (6.9)	30.3	24.7	13.3	-75.2	23.5	29.3	-	-	1.4	6.9	41.4	23.8
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	53,857 (2.4)	34.6	11.9	11.9	41.2	29.5	29.8	-	-	0.0	-3.8	2.4	12.6
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,161 (0.2)	45.4	19.3	18.1	10.7	19.3	18.8	3.4	3.1	-0.4	-1.7	8.9	-0.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	87,694 (3.8)	0.0	16.8	13.6	15.5	27.4	29.2	3.6	-	0.1	0.5	4.4	0.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.